

Số: 113/BC-HĐND

Bình Dương, ngày 20 tháng 11 năm 2018

**BÁO CÁO THẨM TRA**

**Dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực pháp chế  
trình kỳ họp thứ tám - HĐND tỉnh khóa IX**

Thực hiện sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ban Pháp chế tổ chức thẩm tra 04 dự thảo nghị quyết thuộc lĩnh vực pháp chế trình tại kỳ họp thứ tám - HĐND tỉnh khóa IX, gồm 03 dự thảo nghị quyết quy phạm pháp luật và 01 dự thảo nghị quyết cá biệt. Qua thẩm tra, Ban Pháp chế HĐND tỉnh có ý kiến như sau:

**A. VỀ TRÌNH TỰ, THỦ TỤC XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT ĐỐI VỚI  
03 NGHỊ QUYẾT QUY PHẠM PHÁP LUẬT**

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy việc xây dựng 03 nghị quyết quy phạm pháp luật đều đảm bảo tuân thủ đúng trình tự, thủ tục quy định của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

**B. VỀ NỘI DUNG CỦA CÁC DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

**I. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH NỘI DUNG, MỨC CHI  
ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG TƯ VẤN THUỘC  
UBMTTQVN TỈNH VÀ BAN TƯ VẤN THUỘC UBMTTQVN CẤP HUYỆN**

**1. Về thẩm quyền**

Khoản 1 Điều 7 Thông tư số 35/2018/TT-BTC quy định “Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định nội dung, mức chi cụ thể cho phù hợp nhưng tối đa không vượt quá mức quy định tại Thông tư. Trường hợp cần thiết do yêu cầu công việc, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại Thông tư”.

Căn cứ quy định nêu trên, việc HĐND tỉnh xem xét thông qua nghị quyết này là đúng thẩm quyền được pháp luật quy định.

**2. Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Điều 4 Thông tư số 35/2018/TT-BTC quy định 06 nội dung chi đảm hoạt động của Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQVN tỉnh, Ban tư vấn thuộc

UBMTTQVN cấp huyện. Trong đó quy định 04/06 nội dung chỉ được thực hiện theo chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu tài chính hiện hành; còn lại 02/06 nội dung do HĐND tỉnh quyết định mức chi cụ thể.

Theo dự thảo nghị quyết, các mức chi cụ thể được quy định như sau:

(1) Chi hỗ trợ hàng tháng cho lãnh đạo Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQVN cấp tỉnh và Ban tư vấn thuộc UBMTTQVN cấp huyện là đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước với mức chi như sau:

- Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn: 1,0 lần mức lương cơ sở (bằng mức chi tối đa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC);

- Phó Chủ nhiệm Hội đồng tư vấn: 0,8 lần mức lương cơ sở (bằng mức chi tối đa quy định tại điểm a khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC);

- Trưởng Ban tư vấn: 0,18 lần mức lương cơ sở (vượt 20% so với mức chi tối đa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC);

- Phó Trưởng Ban tư vấn: 0,12 lần mức lương cơ sở (vượt 20% so với mức chi tối đa quy định tại điểm b khoản 1 Điều 5 Thông tư số 35/2018/TT-BTC).

(2) Chi viết báo cáo và góp ý bằng văn bản

Thông tư số 35/2018/TT-BTC chỉ quy định một mức chi cho nội dung viết báo cáo và góp ý bằng văn bản là 500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản. Tuy nhiên, căn cứ vào tính chất phức tạp và mức độ xây dựng báo cáo, văn bản ở từng cấp, dự thảo nghị quyết quy định 02 mức chi cho cấp tỉnh và cấp huyện như sau:

- Hội đồng tư vấn thuộc UBMTTQVN tỉnh: 500.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (bằng mức quy định tại Thông tư 35/2018/TT-BTC);

- Ban tư vấn thuộc UBMTTQVN cấp huyện: 400.000 đồng/báo cáo hoặc văn bản (bằng 80% mức chi cấp tỉnh).

Qua thẩm tra, Ban Pháp chế nhận thấy các mức chi nêu trên đảm bảo phù hợp với quy định của Thông tư 35/2018/TT-BTC (một số mức chi *bằng với mức chi tối đa theo quy định; một số mức chi cao hơn nhưng không vượt quá 20% mức chi quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 5 Thông tư*); đồng thời phù hợp với tình hình thực tế ở địa phương, tiết kiệm kinh phí từ ngân sách nhà nước, phục vụ tốt cho hoạt động tư vấn của UBMTTQVN cấp tỉnh, cấp huyện. Do đó, Ban Pháp chế thống nhất với các nội dung chi và mức chi cụ thể quy định trong dự thảo nghị quyết.

## **II. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT QUY ĐỊNH MỨC KINH PHÍ HỖ TRỢ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN THANH TRA NHÂN DÂN CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

### **1. Cơ sở pháp lý, sự cần thiết ban hành**

Năm 2009, HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND7 quy định kinh phí hoạt động của UBMTTQVN, các đoàn thể chính trị xã hội, tổ chức xã hội cấp xã; kinh phí hoạt động của ấp, khu phố và chính sách, chế độ đối với cán bộ không chuyên trách cấp xã trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Theo đó, Ban Thanh tra nhân dân cấp xã được cấp kinh phí hoạt động 3.000.000 đồng/năm.

Đến năm 2014 HĐND tỉnh đã ban hành Nghị quyết số 45/NQ-HĐND8 về việc bãi bỏ một số nghị quyết quy phạm pháp luật do HĐND tỉnh Bình Dương ban hành từ năm 1997 đến năm 2013, trong đó bãi bỏ toàn bộ Nghị quyết số 11/2009/NQ-HĐND7.

Ngày 19/6/2017, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 63/2017/TT-BTC (thay thế Thông tư 40/2006/TTLT-BTC-BTTUBTWMTTQVN-TLĐLĐVN), tại khoản 1 Điều 3 quy định *“Căn cứ tình hình thực tế tại địa phương và khả năng cân đối ngân sách địa phương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã, mức tối thiểu 5 triệu đồng/Ban/năm và cân đối cho ngân sách cấp xã để Ủy ban nhân dân cấp xã cấp cho Ban Thanh tra nhân dân hoạt động”*.

Như vậy, căn cứ quy định nêu trên, việc HĐND tỉnh xem xét, thông qua nghị quyết quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã là cần thiết và đúng thẩm quyền quy định.

### **2. Về nội dung dự thảo nghị quyết**

Thông tư số 63/2017/TT-BTC quy định mức kinh phí hỗ trợ hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã tối thiểu là 5 triệu đồng/Ban/năm. Trên cơ sở quy định của Thông tư, tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách ở địa phương, dự thảo nghị quyết xây dựng mức kinh phí hỗ trợ theo phân loại đơn vị hành chính, cụ thể chia thành 03 mức hỗ trợ như sau:

- Đơn vị hành chính cấp xã loại III: 5 triệu đồng/Ban/năm.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại II: 6 triệu đồng/Ban/năm.
- Đơn vị hành chính cấp xã loại I: 7 triệu đồng/Ban/năm.

Hiện nay, trên địa bàn tỉnh có 69 đơn vị hành chính cấp xã loại I, 21 đơn vị hành chính cấp xã loại II và 01 đơn vị hành chính cấp xã loại III. Ban Pháp chế nhận thấy, việc xây dựng các mức hỗ trợ tăng dần theo phân loại đơn vị hành chính như vậy là phù hợp với tình hình hoạt động thực tiễn của Ban Thanh tra nhân dân cấp xã và điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của từng loại đơn vị hành chính; đồng thời đảm bảo không thấp hơn mức tối thiểu theo quy định của Thông tư số 63/2017/TT-BTC. Vì vậy, Ban Pháp chế thống nhất với nội dung của dự thảo nghị quyết.

### **III. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ CHO CÁC ĐỐI TƯỢNG KHI THỰC HIỆN SẮP XẾP TỔ CHỨC BỘ MÁY, TÍNH GIẢN BIÊN CHẾ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH BÌNH DƯƠNG**

#### **1. Về thẩm quyền ban hành**

Việc ban hành nghị quyết nêu trên thuộc trường hợp quy định tại Khoản 4 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Nghị quyết quy định biện pháp có tính chất đặc thù phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội của địa phương*”.

Căn cứ Khoản 3 Điều 21 Nghị định 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước thì HĐND tỉnh có thẩm quyền “*Quyết định các chế độ chi ngân sách đối với một số nhiệm vụ chi có tính chất đặc thù ở địa phương ngoài các chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu do Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành để thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm trật tự, an toàn xã hội trên địa bàn, phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách địa phương...*”. Như vậy, việc HĐND tỉnh xem xét ban hành nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tính giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương là phù hợp với thẩm quyền pháp luật quy định.

#### **2. Về sự cần thiết ban hành**

Sau hơn 30 năm thực hiện sự nghiệp đổi mới, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã ban hành nhiều chủ trương, chính sách về đổi mới hệ thống chính trị, sắp xếp lại tổ chức bộ máy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có phẩm chất đạo đức, có năng lực thực thi công vụ đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội và đã đạt được những kết quả quan trọng, tuy nhiên, vẫn còn một số vấn đề đặt ra cần giải quyết. Vì vậy, cần phải tiếp tục sắp xếp lại tổ chức bộ máy, tính giản biên chế và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Đây là yêu cầu cần thiết, có ý nghĩa quan trọng trong việc tăng cường hiệu lực, hiệu quả hoạt động của các cơ quan, tổ chức, tạo điều kiện để tiếp tục cải cách nền hành chính trên

địa bàn tỉnh theo hướng hiện đại, hiệu lực, hiệu quả, giảm chi ngân sách cho hoạt động của bộ máy.

Để thực hiện chủ trương này, Tỉnh ủy đã phê duyệt Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị tỉnh tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả theo Nghị quyết số 18-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương khóa XII (theo Quyết định số 711-QĐ/TU ngày 11/5/2018); ban hành Chương trình số 77-CTr/TU ngày 11/5/2018 về thực hiện Nghị quyết số 19-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương khóa XII về tiếp tục đổi mới hệ thống tổ chức và quản lý, nâng cao chất lượng và hiệu quả hoạt động của các đơn vị sự nghiệp công lập.

Tuy nhiên, hiện nay, việc thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại đội ngũ còn gặp nhiều khó khăn, bất cập, bởi lẽ:

- Chính sách tinh giản biên chế được thực hiện theo quy định của Nghị định 108/2014/NĐ-CP. Theo đó, chỉ giải quyết chính sách đối với công chức, viên chức, không áp dụng đối với đối tượng là người hoạt động không chuyên trách cấp xã và những người hợp đồng làm công tác nghiệp vụ trong chỉ tiêu biên chế do Tỉnh ủy, HĐND tỉnh giao. Trong khi đó, đối với tỉnh Bình Dương, quá trình tinh giản được thực hiện đối với cả hai đối tượng không được hưởng chính sách theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP. Do đó, chưa đảm bảo được quyền lợi của 02 đối tượng này.

- Đối với đối tượng là công chức, viên chức, chính sách theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP, chưa tạo được sự động viên, khuyến khích để họ ủng hộ việc thực hiện tinh giản biên chế.

Do đó, tỉnh cần có chế độ hỗ trợ đặc thù để giải quyết tốt hơn quyền lợi của công chức, viên chức, người lao động khi nghỉ việc, ghi nhận sự đóng góp của họ trong quá trình công tác; qua đó, tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện tinh giản biên chế, cơ cấu lại tổ chức bộ máy.

Vì vậy, việc xây dựng nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh là một chính sách đặc thù rất cần thiết để giải quyết chế độ cho những đối tượng sẽ tinh giản biên chế.

### **3. Về nội dung**

Về cơ bản, Ban Pháp chế thống nhất với nội dung chính sách. Nội dung này đã được Ban Thường vụ Tỉnh ủy cho ý kiến thống nhất (*Văn bản số 517-TB/TU ngày 02/11/2018 về kết luận của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chính*

sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế).

Tuy nhiên, qua thẩm tra dự thảo Nghị quyết, Ban có một số ý kiến đóng góp như sau:

a) Đối tượng áp dụng

Đề nghị sửa quy định về đối tượng áp dụng cho chính xác như sau:

*“- Đối tượng tinh giản biên chế theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP ngày 20/11/2014 của Chính phủ, bao gồm: cán bộ công chức từ tỉnh đến cấp xã; viên chức trong các đơn vị sự nghiệp công lập; người làm việc theo chế độ hợp đồng lao động không xác định thời hạn quy định tại Nghị định số 68/2000/NĐ-CP ngày 17 tháng 11 năm 2000 của Chính phủ; người làm việc tại các Hội trong biên chế được HDND tỉnh giao.*

*- Cán bộ nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP ngày 09/3/2015 của Chính phủ do không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm giữ các chức vụ, chức danh theo nhiệm kỳ.*

*- Người lao động hợp đồng làm công tác nghiệp vụ trong cơ quan, tổ chức quy định tại điểm a khoản 1 Điều này trong chỉ tiêu biên chế được Tỉnh ủy, HDND tỉnh giao.*

*- Những người hoạt động không chuyên trách cấp xã.”*

b) Đối tượng không áp dụng

*- Đối với đối tượng không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP của Chính phủ: dự thảo nghị quyết quy định không áp dụng đối với trường hợp còn dưới 06 tháng đến tuổi nghỉ hưu là chưa chính xác. Đề nghị sửa cho phù hợp với quy định tại Hướng dẫn 35-HD/BTCTW ngày 24/4/2015 của Ban Tổ chức Trung ương (hướng dẫn Nghị định 26/2015/NĐ-CP) như sau: “đã có thông báo nghỉ hưu hoặc thời gian công tác chỉ còn từ 06 tháng trở xuống đến thời điểm nghỉ hưu”.*

*- Tại điểm b khoản 3 Điều 1 dự thảo nghị quyết ghi “cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin thôi việc theo nguyện vọng cá nhân”. Quy định này không phù hợp với trường hợp không đủ điều kiện về tuổi tái cử, tái bổ nhiệm nghỉ hưu trước tuổi, do Nghị định 26/2015/NĐ-CP quy định đối tượng này phải có đơn tự nguyện nghỉ hưu trước tuổi. Do đó, cần ghi rõ không áp dụng đối với đối tượng “cán bộ, công chức, viên chức và người lao động xin thôi việc*

*theo nguyện vọng cá nhân, trừ trường hợp nghỉ hưu trước tuổi theo Nghị định 26/2015/NĐ-CP”.*

- Tại điểm c khoản 3 Điều 1 dự thảo nghị quyết quy định đối tượng không áp dụng gồm: “người có trình độ tiến sĩ, thạc sĩ, bác sĩ, bác sĩ chuyên khoa I, II, dược sĩ đại học, dược sĩ chuyên khoa I, II và những đối tượng khác thuộc diện thu hút theo quy định của UBND tỉnh”. Quy định như vậy là chưa bao quát hết các đối tượng thuộc diện được hưởng chính sách thu hút nguồn nhân lực của tỉnh theo quy định hiện hành, chưa liệt kê rõ các đối tượng như: người tốt nghiệp cử nhân y, cán bộ quản lý giáo dục, nhà giáo về công tác ở các xã thuộc vùng khó khăn; cán bộ quản lý, viên chức chuyên môn y tế về công tác ở trạm y tế thuộc các xã vùng khó khăn..., mặt khác, tỉnh cũng đang nghiên cứu sửa đổi chính sách thu hút và hỗ trợ nâng cao chất lượng nguồn nhân lực tỉnh Bình Dương. Do đó, Ban Pháp chế đề nghị trong nghị quyết này không liệt kê cụ thể mà nên quy định tổng quát: *“những đối tượng được hưởng chính sách thu hút nguồn nhân lực theo quy định của HĐND tỉnh”*.

c) Về mức hỗ trợ

- Đối với đối tượng được hưởng chính sách theo quy định của Nghị định 108/2014/NĐ-CP, Nghị định 26/2015/NĐ-CP: dự thảo nghị quyết quy định mức hỗ trợ là 3.000.000 đồng/người/năm, tối đa là 75.000.000 đồng/người. Ban Pháp chế thống nhất với mức hỗ trợ, nhưng đề nghị nâng mức tối đa lên 100.000.000 đồng/người, bởi các lý do sau:

+ Mức hỗ trợ tối đa đối với các đối tượng khác trong nghị quyết đều được quy định là 100.000.000 đồng/người.

+ Trong Báo cáo thuyết minh về chính sách hỗ trợ có nêu ra một ví dụ cụ thể về trường hợp một người có thời gian công tác 30 năm, hệ số phụ cấp chức vụ 0,3, hệ số lương 5,76, khi nghỉ theo Nghị định 108/2014/NĐ-CP được hưởng chế độ theo quy định là 115.172.000 đồng, chế độ hỗ trợ theo chính sách này là 75.000.000 đồng (mức hỗ trợ chỉ hơn 1/2 so với chế độ quy định). Trong khi đó, nếu một người cũng có thời gian công tác 30 năm nhưng thuộc các đối tượng khác trong nghị quyết thì sẽ được hưởng mức hỗ trợ là 90.000.000 đồng.

- Tại khoản 4 Điều 2 dự thảo nghị quyết quy định “Trường hợp đối tượng có giai đoạn thời gian được hưởng cả 02 mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều này thì tổng mức hỗ trợ không quá 100.000.000 đồng”. Quy định như vậy là chưa chính xác, vì không thể có giai đoạn thời gian mà được hưởng cả 02 mức hỗ trợ. Do đó, đề nghị sửa lại như sau: *“Trường hợp đối tượng trong quá trình công tác vừa có giai đoạn thời gian được hưởng mức hỗ trợ quy định tại khoản 1, vừa có*

*giai đoạn thời gian được hưởng mức hỗ trợ quy định tại khoản 3 Điều này thì tổng mức hỗ trợ của cả hai giai đoạn không quá 100.000.000 đồng.”*

- Mức hỗ trợ trong dự thảo nghị quyết được tính theo số năm đóng bảo hiểm xã hội. Do đó, đề nghị bổ sung quy định về cách tính đối với thời gian chưa tròn năm cho phù hợp với quy định của pháp luật, cụ thể bổ sung như sau: *“Nếu thời gian tính chính sách hỗ trợ có tháng lẻ thì được tính tròn theo nguyên tắc: dưới 03 tháng thì không tính; từ đủ 03 tháng đến đủ 06 tháng tính là 1/2 năm; từ trên 06 tháng đến dưới 12 tháng tính tròn là 01 năm.”*

Trên đây là một số ý kiến của Ban Pháp chế về nội dung dự thảo nghị quyết về chính sách hỗ trợ cho các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Bên cạnh đó, Ban kiến nghị Tỉnh ủy xem xét giải quyết việc hỗ trợ đối với những người đã thực hiện tinh giản biên chế trong năm 2018. Đầu tiên, phường Lái Thiêu, thị xã Thuận An là địa phương được chọn thí điểm tổ chức sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế, sau đó, đã tiếp tục triển khai ở các địa phương khác trong năm 2018, thời gian thực hiện này chưa có quy định về chính sách hỗ trợ của tỉnh. Theo dự thảo nghị quyết này, hiệu lực của nghị quyết là từ ngày 10/12/2018, như vậy chính sách này sẽ không có hiệu lực hồi tố cho những đối tượng đã thực hiện tinh giản biên chế trước ngày 10/12/2018. Đây là một vướng mắc đề nghị Tỉnh ủy quan tâm giải quyết để đảm bảo tính công bằng trong giải quyết chế độ, đảm bảo quyền lợi như nhau của các đối tượng khi thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy, tinh giản biên chế trên địa bàn tỉnh Bình Dương.

#### **IV. DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT VỀ PHÊ DUYỆT BIÊN CHẾ CÔNG CHỨC TRONG CÁC CƠ QUAN CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN, ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH, CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ; SỐ LƯỢNG NGƯỜI LÀM VIỆC TRONG ĐƠN VỊ SỰ NGHIỆP CÔNG LẬP VÀ CÁC HỘI CÓ TÍNH CHẤT ĐẶC THÙ CỦA TỈNH BÌNH DƯƠNG NĂM 2019**

##### **1. Về thẩm quyền ban hành**

Theo quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 19 Luật tổ chức chính quyền địa phương: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có thẩm quyền quyết định biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND các cấp trên địa bàn tỉnh theo chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao; phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập thuộc phạm vi quản lý của tỉnh theo quy định của Chính phủ”*.

Tại Điều 16 Nghị định 21/2010/NĐ-CP ngày 08/3/2010 của Chính phủ về quản lý biên chế công chức quy định: *“Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định*



*giao biên chế công chức trong cơ quan của HĐND, UBND, đơn vị sự nghiệp công lập của UBND cấp tỉnh, cấp huyện trong biên chế công chức được cấp có thẩm quyền giao”.*

Tại Điều 13 Nghị định 41/2012/NĐ-CP ngày 08/5/2012 của Chính phủ quy định về vị trí việc làm trong đơn vị sự nghiệp công lập quy định: “*Căn cứ vào đề nghị của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và ý kiến thẩm định của Bộ Nội vụ, Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt tổng số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập”.*

Ngày 14/8/2018, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 1016/QĐ-TTg về phê duyệt biên chế công chức hưởng lương từ ngân sách nhà nước của các cơ quan hành chính nhà nước và biên chế của các Hội có tính chất đặc thù hoạt động trong phạm vi cả nước năm 2019, trong đó, phê duyệt biên chế công chức năm 2019 của tỉnh Bình Dương là 1.852 chỉ tiêu. Đây là căn cứ để HĐND tỉnh quyết định giao biên chế công chức của tỉnh năm 2019. Riêng đối với số lượng người làm việc trong các đơn vị sự nghiệp công lập của tỉnh, đến thời điểm này, Bộ Nội vụ chưa có ý kiến thẩm định.

Căn cứ những quy định nêu trên, việc HĐND tỉnh thông qua Nghị quyết này là đúng thẩm quyền pháp luật quy định.

## **2. Về nội dung của dự thảo nghị quyết**

Về cơ bản, Ban Pháp chế nhận thấy đề nghị của UBND tỉnh về kế hoạch giao biên chế công chức, biên chế đơn vị sự nghiệp công lập và các Hội có tính chất đặc thù năm 2019 đảm bảo phù hợp với chủ trương tinh giản biên chế, sắp xếp tổ chức bộ máy tinh gọn, hiệu quả, tiến tới đạt số lượng biên chế được Trung ương giao. Tuy nhiên, qua thẩm tra dự thảo Nghị quyết, Ban có một số ý kiến đóng góp như sau:

### **a) Đối với biên chế công chức**

- Tổng biên chế công chức được Chính phủ giao năm 2019 là 1.852 biên chế (giảm 40 biên chế so với năm 2018). Số biên chế này chưa tính đến việc giảm 83 biên chế của Chi cục Quản lý thị trường do Thủ tướng Chính phủ quy định chuyển chức năng, nhiệm vụ, biên chế của Chi cục Quản lý thị trường về Bộ Công thương. Do đó, Ban Pháp chế thống nhất với số biên chế công chức năm 2019 theo đề nghị của UBND tỉnh là 1.769 biên chế (giảm 123 biên chế so với năm 2018, gồm giảm 40 biên chế theo lộ trình và giảm 83 biên chế của Chi cục Quản lý thị trường).

- Hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP là 115 chỉ tiêu (giảm 03 chỉ tiêu so với năm 2018 do giảm 03 chỉ tiêu hợp đồng của Chi cục Quản lý thị trường).

- Đối với số chỉ tiêu HĐND tỉnh giao ngoài chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao: dự thảo Nghị quyết ghi rõ HĐND tỉnh giao 325 chỉ tiêu là không phù hợp với quy định. Do đó, đề nghị sửa Khoản 3 Điều 1 Nghị quyết như sau: *“Đối với số chỉ tiêu trước đây HĐND tỉnh đã giao ngoài chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao: năm 2019 giảm còn 325 chỉ tiêu”*, nhằm thể hiện rõ chủ trương của tỉnh đang thực hiện giảm dần số chỉ tiêu giao ngoài chỉ tiêu biên chế được Chính phủ giao, tiến tới không còn số này mà chỉ giao bằng số lượng biên chế được Trung ương giao cho tỉnh.

b) Đối với số người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập

Theo dự thảo nghị quyết, so với năm 2018, tỷ lệ giảm biên chế của từng lĩnh vực cụ thể như sau: sự nghiệp giáo dục đào tạo và dạy nghề giảm 2%; sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao giảm 0,71%; sự nghiệp khác giảm 0,66%. Trong đó, sự nghiệp giáo dục giảm 440 chỉ tiêu (gồm 393 biên chế và 47 hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP); sự nghiệp văn hóa thông tin – thể dục thể thao giảm 02 biên chế; sự nghiệp khác giảm 02 biên chế. Riêng sự nghiệp y tế không giảm mà tăng 1,44% so với năm 2018, nhằm đảm bảo cho hoạt động chăm sóc sức khỏe trên địa bàn tỉnh, đáp ứng nhu cầu tuyển dụng các chức danh chuyên môn y tế có trình độ từ đại học trở lên.

Ban Pháp chế cơ bản thống nhất với dự thảo nghị quyết, bên cạnh đó, Ban có ý kiến như sau:

***Về số lượng giảm biên chế trong các đơn vị sự nghiệp nói chung:*** hiện nay, Bộ Nội vụ chưa có văn bản thẩm định biên chế sự nghiệp tỉnh Bình Dương năm 2019, tuy nhiên, trong văn bản thẩm định của năm 2018 (Công văn 94/BNV-TCCB ngày 08/01/2018 của Bộ Nội vụ) có nêu rõ: *“để đạt mục tiêu đến năm 2021 giảm ít nhất 10% biên chế sự nghiệp so với năm 2015 (từ 24.614 người của năm 2015 giảm xuống đến năm 2021 còn nhiều nhất là 22.152 người) thì trong 04 năm 2018 – 2021, tỉnh Bình Dương phải giảm ít nhất là 1.918 người, giảm ít nhất là 8%, bình quân giảm ít nhất mỗi năm là 480 người; đối với số hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP, bình quân giảm 58 người/năm”*. Theo dự thảo nghị quyết, tổng số biên chế sự nghiệp năm 2019 giảm là 445 biên chế, hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP giảm 47 người, trong đó sự nghiệp văn hóa thông tin - thể dục thể thao và sự nghiệp khác giảm rất ít (mỗi lĩnh vực 02 biên chế), sự nghiệp y tế tăng 1,44%. Do đó, Ban Pháp chế đề nghị

UBND tỉnh lưu ý trong 02 năm còn lại (2020, 2021) cần điều hành thực hiện tốt việc tinh giản biên chế đảm bảo đúng chủ trương quy định.

c) Về hiệu lực của Nghị quyết

Dự thảo nghị quyết đề nghị nghị quyết có hiệu lực kể từ ngày thông qua. Tuy nhiên, để thuận lợi cho việc giải quyết các chế độ, chính sách liên quan đến biên chế và công tác sắp xếp tổ chức bộ máy, Ban Pháp chế đề nghị quy định hiệu lực thi hành của nghị quyết kể từ ngày 01/01/2019.

Trên đây là báo cáo thẩm tra của Ban Pháp chế HĐND tỉnh về 04 dự thảo Nghị quyết thuộc lĩnh vực pháp chế trình tại kỳ họp thứ tám - HĐND tỉnh khóa IX, kính trình HĐND tỉnh xem xét quyết định./.

**Nơi nhận:**

- TT. HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo các Ban HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- LĐVP;
- Phòng: TH, HC-TC-QT;
- Lưu: VT.

**TM. BAN PHÁP CHẾ**  
**TRƯỞNG BAN**



Nguyễn Hoàng Châu